



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU TAO
Last Middle First

Current Address: 57/14 B Tán Hòa, Bến Hòa Đông Nại UN.

Date of Birth: 04/01/46 Place of Birth: Hải Hưng

Previous Occupation (before 1975) St Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 07/04/75 To 02/01/82
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Quản lý

Số 24 GRT

0	0	0	2	7	7	0	2	4	5	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 2/20 ngày 21 tháng 01 năm 1982

của Bộ Nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn hữu Tạo

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 01 tháng 04 năm 1946

Nơi sinh Hải Hưng

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

Lô Đức, Hồ Nai 2, Thống Nhất, Ông Nai.

Can tội Trung úy Sĩ Quan an ninh quyền trưởng phòng an ninh.

Bị bắt ngày 04/07/1975 Án phạt TTQT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại Lô Đức Hồ Nai 2, Thống Nhất, Ông Nai.

Nhận xét quá trình cải tạo

Thời hạn quản chế 12 tháng.

Tiền ai quản lý, 500.

Lấn tay ngón trỏ phải

Của Nguyễn hữu Tạo

Danh bản số 700

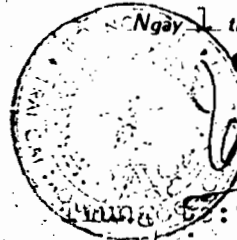
Lập tại Ông Nai

Họ tên, chỉ ký
người được cấp giấy

Nguyễn hữu Tạo

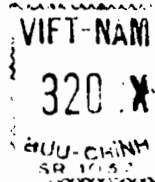
Ngày 1 tháng 2 năm 1982

Giám thị



Trịnh Văn Thịch

FROM: NG. THU. SAI
298/27 PHAN VAN TRI
Quận BÌNH THẠNH
TP. HỒ CHÍ MINH



THO 55 231509C1 01/15/85

THO
PO BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

To Mrs KH. MINH THO



VIA AIR MAIL PAR AVION

U.S.A.

VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS' DATA (OUT OF CAMP)

Phiếu dữ kiện dành cho Tù nhân Cải tạo VN đã được thả

1. FULL NAME OF INFORMATION PROVIDER: (Last) (First) (Middle)
Tên họ người cung cấp dữ kiện: TẠO NGUYỄN HỮU
2. NATURALIZATION CERT./ALIEN N.
Số GC Quốc tịch/Thẻ thường trú:
3. PRESENT ADDRESS - PHONE N. 51/14 P. Tân hòa, Biên hòa, Đồng nai, VN
Địa chỉ hiện tại-Số điện thoại
4. RELATIONSHIP:
Liên hệ gia đình (Với tù nhân cải tạo):
5. FULL NAME OF EX. POLITICAL PRISONER: TẠO NGUYỄN HỮU
Tên họ Cựu tù Cải tạo:
6. DATE AND PLACE OF BIRTH: (Mo/Date/Yr)
Tháng/ngày/năm và nơi sinh: Apr. 01st 1946 Hưng yên, Vietnam
7. POSITION/RANK/MOS N. (Before 4/75):
Chức vụ/Cấp bậc/Số quân (Trước 4/75):
Chief of Security, Political Section, Kiến Tường Sector KBC.4927
Lieutenant, MOS N. 66/152.906
8. LAST POSITION/UNIT OF SERVICE:
Cơ quan/Đơn vị phục vụ sau cùng: Political Section (J 5)
Kiến tường Sector KBC.4927
9. MONTH/DATE/YEAR ARRESTED:
Tháng/Ngày/Năm bị giam giữ: Jul. 04th 1975
10. MO/DATE/YR OUT OF CAMP:
Tháng/Ngày/Năm được thả: Feb. 01st 1982
11. PRESENT MAILING ADDRESS OF EX. P/PRISONER IN VN:
Địa chỉ 1/1 hiện tại với Cựu tù nhân tại VN:
11 TRẦN NHÂN TÔN Quận 5 T.P Hồ chí Minh
Vietnam
12. LIST FULL NAME/DOB. POB OF EX. P/PRISONER'S IMMEDIATE FAMILY AND MOTHER/FATHER:
Tên họ/Ngày/tháng năm sinh/Nơi sinh Gia đình Cựu tù nhân kể cả Cha/mẹ ruột:
Father: NGUYỄN HIỆU 1915 Hưng yên Vietnam
Mother: TRỊNH THỊ ĐƠN 1917 Hưng yên Vietnam
Spouse: ĐINH THỊ QUY 1950 Thái bình Vietnam
13. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY RE-UNIFICATION?
Ông/bà có nộp đơn xin đoàn tụ gia đình chưa? Not yet
IF YOU HAVE (Nếu đã)
a. ODP/BAHKKO IV N. (Số IV hồ sơ đoàn tụ của ODP/BKK)
b. DATE OF NOTICE APPROVAL FORM I-I7I INS/FORM:
Ngày cấp thông báo thuận nhập cảnh trong mẫu I-I7I : (Nếu có xin kèm một bản photo mẫu I-I7I)

COMMENT/RECOMMENDATIONS:

Ý kiến /Đề nghị:

SIGNATURE OF INFO. PROVIDER
Chữ ký của người điền

FROM: Nguyễn Tạo
14 Trần Nhân Tông
Q.5 TP. Hồ Chí Minh
Vietnam



CLAIM CHECK
NO
987309

☐ HOLD

DATE

1985

1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

VIA AIR MAIL PA

Detached from
PS Form 3849-A
Oct. 1980

P.O. Box 5435
22205

TO: Association of Vietnamese
Political prisoners' family
~~5555 Columbia Pike~~
~~Suite d' Arlington~~
~~Virginia 22204~~
U.S.A.

1500
57

Do Bureau cục gốc ghi
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)
Envoi recommandé

Reçu

Ký gửi tại Bureau cục
déposé au bureau de poste de

70 350 Q.10

ngày
le

3/01 1985

số *2091*
sous le no

địa chỉ người nhận
Adresse du destinataire

*555 Columbia Pike
Suite 2 Arlington Virginia 22204
USA*

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát
Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày
le

Chữ ký người nhận
Signature du destinataire (1)

Chữ ký nhân viên
Bureau cục nhận
Signature de l'agent
du bureau destinataire

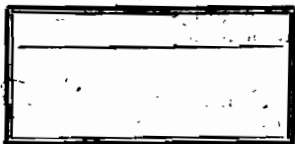
Nhật ấn bưu cục nhận
Timbre du bureau
destinataire

Ghi & Bưu cục nhận
A remplir à destination

(1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền »
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet-nam

(1)



BĐ. 29
(29 và 29a cũ)
C-5

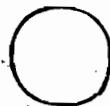
Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy báo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

BƯU CHÍNH
Service des Postes

GIẤY BÁO

Avis de (2)

Nhận
Réception
Trả tiền
Payement



Địa chỉ :

Adresse

Nguyễn Hữu Tao (T.C.T)

(3)

11 Trần Nhân Tông Q.5

TP Hồ Chí Minh nước (Pays) *Vietnam*

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoi par avion »
và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh (Par avion).
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas)
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.